



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ THÍ NGHIỆM ĐIỆN MIỀN NAM

Địa chỉ: 48 Cửu Long, Phường 02, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 08.67776245 - 0932.369.799

Website: www.etsc.vn; Email: etsc.vn@gmail.com



ISO/IEC 17025:2017

Số/ No: 309/2025/KT-ETSC	PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM TRA EXAMINATION REPORT	Ngày/ Date: 01/03/2025 Trang/ Page: 1/2
--------------------------	--	--

1. Khách hàng yêu cầu: Customer:	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ KỸ THUẬT THIÊN NHẪN Số 147/3 Nguyễn Đình Chính, Phường 11, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.	
2. Địa chỉ kiểm tra: Place of inspecting:	Phòng Kiểm Định Và Thí Nghiệm Điện - ETSC	
3. Đối tượng kiểm tra: Type of inspecting:	Sào tiếp đất cao thế/ High voltage grounding pole	
4. Số lượng/ Vị trí lắp đặt: Quantity/Installation location:	01 thiết bị/ 01 Devices; Di động ngoài công trường/ Mobile off-site	
5. Phương pháp kiểm tra: Method of inspecting:	ETSC/KĐ/QT-06; TCVN 8096-200: 2010; TCVN 6615-1: 2009; QCVN QTĐ-5: 2009/BCT; TCVN 5587:1991; Tài liệu kỹ thuật NSX	
6. Thời gian thực hiện: Inspection Date:	28/02/2025	
7. Thông số kỹ thuật: Specification:	Loại/ Type:	RC403-0294
	Số chế tạo / Seri No	Không rõ/ NA
	Điện áp sử dụng/ AC. Use voltage:	230 kV
	Chiều dài/ Length:	3.260mm
	Đường kính/ Diameter:	32mm
	Năm sản xuất/ Date of manufacture:	Không rõ/ NA
	Nhà sản xuất/ Manufacture:	Ritz – Brazil
8. Phương tiện kiểm tra: Inspecting equipment:	Kyoritsu 3125A; DTE 70/50D; HZXC-10HZJ.	
9. Điều kiện môi trường: Environmental conditions:	(32 ± 2) ° C ; (60 ± 5) % RH	
10. Kết quả kiểm tra: Inspecting result:	Xem trang sau See next page	
11. Tem kiểm tra: Testing stamp No:	180/25/ETSC	
12. Kết luận Conclusion	Các chỉ tiêu kiểm tra phù hợp theo quy định/ The inspection criteria are consistent with the regulations	
13. Khuyến cáo thời hạn kiểm tra lần sau: 03/2026 Recommended next testing period:		

Người Thực Hiện
Exequitor

Nguyễn Đức Tiến Luyện



Nguyễn Quốc Hoàn



KĐ/QT-06/M1

Ban hành lần 2



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM TRA
EXAMINATION REPORT

Ngày/ Date: 01/03/2025
Trang/ Page: 2/2

Nội dung kết quả đo mục 10 trang 1

Content of measured results 10 page 1

10.1 Kiểm tra tình trạng bên ngoài/ Check out the outside condition: Bình thường/ Normal

10.2 Kiểm tra kích thước hình học/ Check geometric dimensions:

Stt No	Đối tượng Object	Đơn vị Unit	Công bố của nhà sản xuất Manufacturer's announcement	Kết quả Result
1	Chiều dài sào/ Length	mm	3.260	3.260
2	Đường kính/ Diameter	mm	32	32

10.3 Điện trở cách điện/ Insulation resistance:

Đối tượng Object	Trước khi thử cao thế/ Before trying so high (MΩ)	Sau khi thử cao thế/ After trying so high (MΩ)	Đánh giá Evaluate
Pha A-Vỏ (Case)	> 50.000	> 50.000	Đạt/ Pass

10.4 Điện áp xoay chiều tần số công nghiệp/ Industrial frequency alternating voltage:

Đối tượng Object	U (kV)	t (minutes)	Mức quy định Standard level	Kết quả Result
Phase A-Vỏ (Case)	105kV/30cm	5	Chịu được/ Pass	Không phóng điện/ No discharge inspection